

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

I./ THÔNG TIN CHUNG:

1./ Thông tin khái quát:

- Tên công ty đầy đủ: **Công ty Cổ phần Du Lịch và Thương mại DIC.**
- Tên giao dịch: Tourist and Trade DIC Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: DIC T & T.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500592920 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu cấp lần đầu ngày 27/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/04/2016.
- Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần: 112.943.230.000 đồng Việt Nam (VND)
- Trụ sở chính: 169 đường Thùy Vân, TP Vũng tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu.
- Điện thoại: 064 3525275 Fax: +84 64 3525274
- Website: www.dicct.com.vn
- Mã cổ phiếu: DCD

2./ Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh khách sạn, du lịch; Vận chuyển hành khách đường thủy, đường bộ; Vận chuyển hành khách du lịch đường bộ; Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành trong nước và nước ngoài;
- Kinh doanh thương mại, hàng hóa dùng cho sản xuất và tiêu dùng;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu cánh ngầm.

- Địa bàn kinh doanh của Công ty: Tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu và khu vực Miền Đông, Miền Tây Nam bộ.

- Các mốc thời gian và sự kiện chính :

+ *Tiền thân của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC là Nhà nghỉ Bộ Xây dựng tại TP. Vũng tàu. Nhà nghỉ Bộ Xây dựng được thành lập ngày 26/05/1990 với nhiệm vụ ban đầu của Nhà nghỉ là kinh doanh dịch vụ du lịch và làm công tác điều dưỡng theo kế hoạch của Bộ Xây dựng giao.*

+ *Quá trình hoạt động kinh doanh từ năm 1990 - 2001, Nhà nghỉ Bộ Xây dựng lần lượt được đổi tên thành Khách sạn Thùy Vân, Khách sạn Vũng tàu Cap Saint Jacques.*

+ *Ngày 08/04/2003, Công ty DIC Du lịch 100% vốn nhà nước được thành lập trên cơ sở tổ chức lại 03 đơn vị trực thuộc của Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng là: Khách sạn Vũng tàu, Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Du lịch và Khách sạn Thủy Tiên.*

+ Năm 2005- 2006, Công ty DIC Du lịch tiến hành đầu tư mới và đưa vào hoạt động Khách sạn DIC Star với 88 phòng ngủ tiêu chuẩn 04 sao nằm trong khuôn viên đất của Khách sạn Vũng tàu Cap Saint Jacques.

+ Ngày 27/07/2007, Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC (DIC T&T) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty DIC Du lịch thuộc Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng.

+ Ngày 20/11/2009: Chốt danh sách cổ đông để đăng ký lưu ký tập trung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

+ Ngày 28/09/2011, hoàn thành việc phát hành thêm cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty từ 75.000.000.000 đồng lên 112.943.230.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2011.

- Tình hình hoạt động SXKD 2007-2016:

+ Ổn định tổ chức, xác định chiến lược kinh doanh.

+ Tập trung hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật, củng cố và hoàn thiện chất lượng các sản phẩm, dịch vụ đã có.

+ Từng bước nghiên cứu và triển khai thêm các sản phẩm dịch vụ mới.

+ Đầu tư nâng cấp Đợt 1 Khách sạn Vũng tàu, Khách sạn DIC Star để đề nghị Tổng Cục Du lịch xem xét nâng hạng và cấp sao cho cụm khách sạn.

+ Ngày 23/07/2008 Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch ban hành Quyết định số 150/QĐ-TCDL công nhận Cụm Khách sạn DIC Star – Vũng tàu đạt tiêu chuẩn 04 sao cấp quốc gia.

+ Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật Cụm Khách sạn DIC Star – Vũng tàu và Xí nghiệp DIC Du lịch Biển để tương xứng với tiêu chuẩn cụm khách sạn 04 sao.

+ Triển khai nghiên cứu đầu tư Khu dịch vụ Biển 05 sao tại Khu vực Bãi biển Vũng tàu Cap Saint Jacques thuộc Xí nghiệp DIC Du lịch Biển.

3./ Mô hình quản trị, tổ chức sản xuất kinh doanh và bộ máy quản lý:

a./ Cơ cấu tổ chức của Công ty:

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn;

- Luật và các quy định khác có liên quan;

- Điều lệ của Công ty Cổ Phần Du lịch và Thương mại DIC do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

*** Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và thông qua:

- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

- Báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của HĐQT;

- Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán;

- Quyết định bầu và bãi miễn nhiệm hoặc thay thế thành viên HĐQT, BKS;

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua bán có giá trị từ 50% trở lên so với tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định việc Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã phát hành;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

*** Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, bao gồm 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

*** Ban kiểm soát:**

BKS của Công ty gồm 03 thành viên, là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Nhiệm kỳ của BKS là 5 năm. Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác của HĐQT;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

*** Giám đốc Công ty:**

- Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Giám đốc có nhiệm vụ:
- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

** Các phòng ban trong Công ty:*

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC bao gồm 03 Phòng chức năng và các đơn vị chuyên môn. Các phòng ban thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật. Cụ thể:

a. Phòng Tổ chức hành chính:

Phòng Tổ chức hành chính là bộ phận chức năng giúp việc cho Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực tổ chức, cán bộ, quản lý lao động, tiền lương và các chế độ chính sách liên quan đến người lao động theo quy định của pháp luật và các công việc liên quan đến lĩnh vực hành chính quản trị cơ quan trong phạm vi Công ty. Phòng Tổ chức hành chính có nhiệm vụ:

- Xây dựng trình Giám đốc phương án, đề án tổng thể về bộ máy tổ chức, nhân sự của các phòng, ban Công ty, các đơn vị chuyên môn;
- Xây dựng, trình Giám đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, bộ máy tổ chức, biên chế, quy chế làm việc của các phòng ban Công ty, các đơn vị chuyên môn;
- Xây dựng kế hoạch, phương án tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng lao động để đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị;
- Xây dựng đơn giá tiền lương chung và đơn giá tiền lương cho từng đơn vị trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Xây dựng các quy chế, quy định, trong lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động, nội quy cơ quan;
- Thực hiện việc quản lý hồ sơ của người lao động, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu, công văn đến, đi của Công ty theo đúng quy trình, thủ tục và quy định của Nhà nước;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

b. Phòng Kế toán tài chính:

Phòng Kế toán tài chính là bộ phận chức năng giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của đơn vị đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty. Phòng Kế toán tài chính có nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Tổ chức xây dựng bộ máy kế toán, thống kê phù hợp với mô hình, cơ cấu tổ chức sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức kiểm tra, xét duyệt các báo cáo kế toán, thống kê, các báo cáo quyết toán của các đơn vị cấp dưới gửi lên; lập và gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo thống kê, báo cáo quyết toán cho cấp trên và các cơ quan của Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- Kiểm kê tài sản, đánh giá lại tài sản, giải quyết và xử lý các khoản thiếu hụt, mất mát, hư hỏng, các khoản nợ khó đòi và các khoản thiếu hụt khác theo quy định của Nhà nước.
- Tổ chức thu thập thông tin kinh tế, thống kê, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty thường xuyên, nhằm đánh giá đúng tình hình kết quả và hiệu quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

c. Phòng Kế hoạch kinh doanh:

Phòng Kế hoạch kinh doanh là bộ phận chức năng giúp việc cho Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực xây dựng chiến lược phát triển, xây dựng kế hoạch kinh doanh, đề ra các phương án tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch đã được phê duyệt. Lập các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế trong phạm vi Công ty. Phòng Kế hoạch kinh doanh tổng hợp có nhiệm vụ:

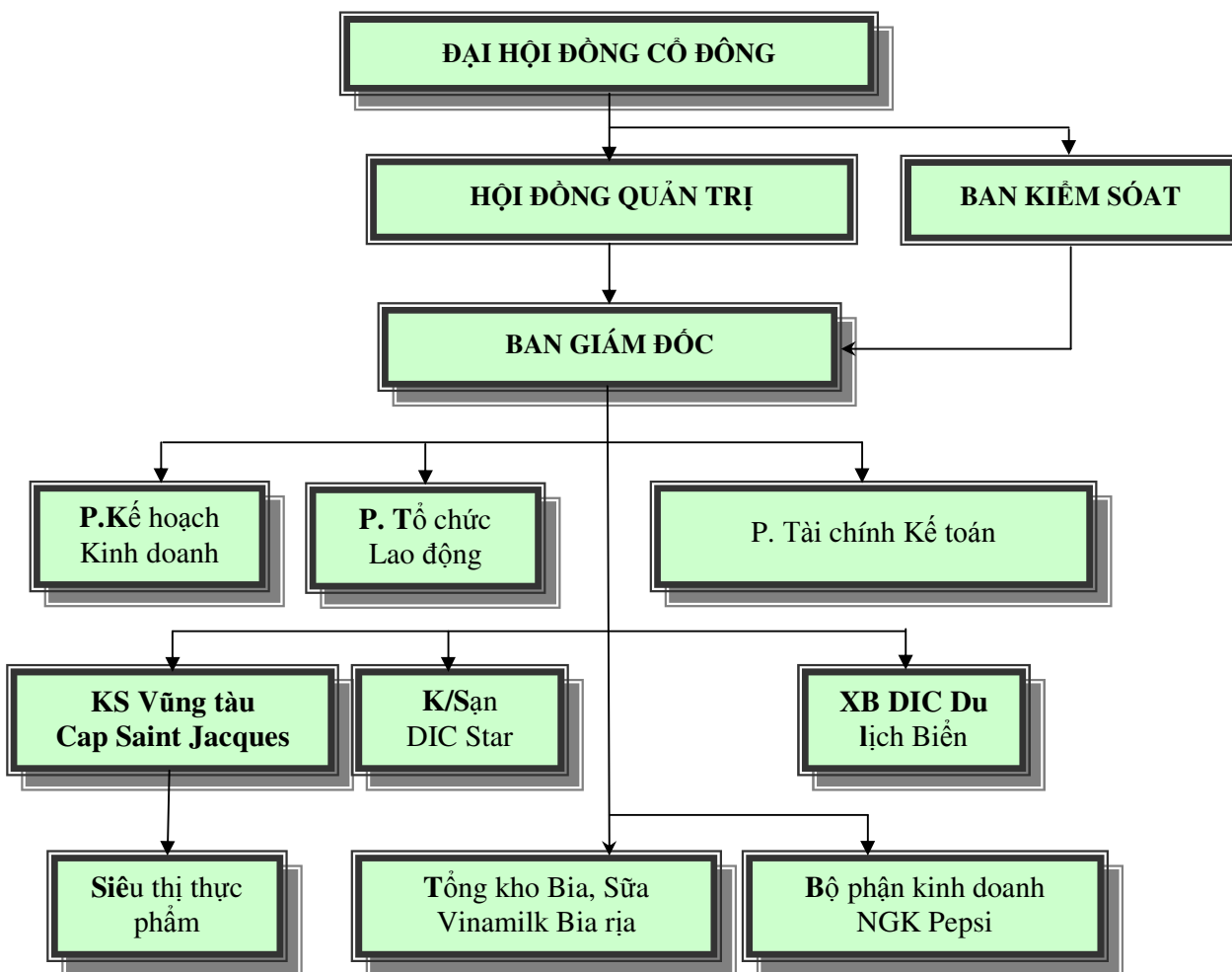
- Lập các phương án đổi mới phương thức kinh doanh, mở rộng thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, tham mưu giúp Giám đốc đề ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm tăng nhanh số lượng và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đánh giá chính xác công tác quản lý, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, chất lượng phục vụ tại các đơn vị;
- Tổ chức điều tra, nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình hình thị trường; xây dựng các chiến lược quảng cáo, tiếp thị nhằm mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ;
- Đàm phán, thiết lập các hợp đồng kinh doanh, dịch vụ;
- Xây dựng chiến lược phát triển theo từng thời kỳ, cho từng lĩnh vực kinh doanh của toàn Công ty. Xây dựng các kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, dài hạn cho từng đơn vị, cho từng sản phẩm;
- Xây dựng và lập các phương án, đề án liên doanh, liên kết phát triển kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ của Công ty;
- Nghiên cứu lập các dự án và thẩm định các dự án đầu tư trình Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định;
- Tổ chức quản lý dự án trước, trong và sau khi đầu tư;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

d./ Trách nhiệm và quyền hạn của các Trưởng đơn vị:

Mỗi một đơn vị chuyên môn có một Trưởng đơn vị. Trưởng đơn vị có chức năng nhiệm vụ:

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về kết quả các mặt công tác tại đơn vị mình quản lý. Quyết định, hoặc đề nghị Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, phân phối tiền lương, đối với CBCNV tại đơn vị trong phạm vi thẩm quyền theo Quy chế tuyển dụng và quản lý lao động của Công ty;
- Đề nghị Công ty thành lập mới, chia tách, giải thể, sát nhập các bộ phận trực thuộc, nhằm đảm bảo ổn định sản xuất, nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Chủ động phân công công việc cho nhân viên thuộc quyền quản lý; xem xét, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các công việc đã giao; Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lực được giao; Trực tiếp báo cáo với Giám đốc về các công việc được giao và chủ động phối hợp với các đơn vị khác để thực hiện nhiệm vụ;
- Đình chỉ công tác của nhân viên đơn vị mình trong trường hợp cần thiết, nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, nhưng phải báo cáo cho Giám đốc không quá 24 giờ sau đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



- Các đơn vị trực thuộc và địa bàn kinh doanh:
 - o Văn phòng Công ty trực tiếp kinh doanh thương mại;
 - o Khách sạn Vũng Tàu;
 - o Khách sạn Ngôi sao DIC;
 - o Xí nghiệp DIC Du lịch biển;

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4./ Định hướng phát triển:

a./ Mục tiêu:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh du lịch và thương mại.

- Xây dựng thương hiệu **DIC T&T, DIC STAR, CAP SAINT JACQUES, DIC TRAVEL** trở thành những thương hiệu nổi tiếng về du lịch và dịch vụ du lịch.

b./ Định hướng phát triển:

- Tập trung phát triển du lịch và dịch vụ du lịch là ngành nghề kinh doanh chính và nền tảng cơ bản cho mọi hoạt động kinh doanh khác.

- Đẩy mạnh doanh thu của đơn vị thông qua việc khai thác kinh doanh sang lĩnh vực cung ứng dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh trong ngành du lịch.

- Đẩy mạnh hoạt động liên doanh, liên kết, hợp tác khai thác kinh doanh các dự án khách sạn, khu du lịch cao cấp với thế mạnh là đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên giàu kinh nghiệm, giỏi chuyên môn nghiệp vụ và am hiểu quy trình quản lý điều hành công việc.

- Xây dựng khu phức hợp căn hộ du lịch, cụm Khách sạn Cap Saint Jacques – khách sạn DIC Star, khu du lịch biển DIC trở thành Trung tâm du lịch – khách sạn – nghỉ dưỡng cao cấp, hiện đại và đang dạng hóa các loại hình dịch vụ.

5./ Các rủi ro:

Du lịch được xem là ngành công nghiệp không khói và là ngành kinh tế chiến lược của các quốc gia có tiềm năng về du lịch. Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nền kinh tế Việt Nam đã dần hội nhập sâu hơn với nền kinh tế thế giới và ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của nền kinh tế quốc tế. Dưới tác động của kinh tế thế giới và nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động Công ty chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Là một đất nước đang phát triển, các thể chế, chính sách cũng như pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên thường có sự thay đổi. Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc quảng bá hình ảnh đất nước du lịch của Việt Nam vẫn còn hạn chế so với các nước láng giềng lân cận như Thái Lan, Malaysia, Singapore... Sản phẩm du lịch còn nghèo nàn. Lượng khách quốc tế vào Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực. Nếu không có chiến lược phát triển ngành du lịch một cách đồng bộ, Việt Nam sẽ khó cạnh tranh để gia tăng thị phần khách quốc tế với các quốc gia khác trong khu vực. Quá trình Việt Nam gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới như WTO, AFTA... đã tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho các

doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khách sạn, du lịch. Cơ hội đang mở ra trước mắt nhưng khó khăn gặp phải cũng sẽ không ít. Các công ty kinh doanh khách sạn, lữ hành trong nước sẽ phải cạnh tranh quyết liệt với các tập đoàn, công ty nước ngoài có thế mạnh về kinh nghiệm, vốn, marketing và mạng lưới đại lý rộng khắp... Bên cạnh đó, hệ thống khách sạn của DIC T&T còn phải cạnh tranh với các khách sạn cùng cấp trên cùng địa điểm hoạt động. Nhiều dự án khách sạn, resort quy mô lớn của các công ty trong và ngoài nước đang được xây dựng khắp các trung tâm du lịch trong đó có TP.Vũng Tàu. Với mức độ cạnh tranh gay gắt như thế, các đơn vị kinh doanh khách sạn và lữ hành cần chuẩn bị rất nhiều mặt về vốn, nhân lực, marketing để giữ vững thị phần đã có.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016:

1./ Kết quả hoạt động SXKD năm 2016:

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện Năm 2016	Thực hiện/ Kế hoạch
1. Doanh thu thuần (Trđ)	327.000	374.420	114,5%
2. Tổng lợi nhuận trước thuế (Trđ)	7.500	7.637	101,8%
3. Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt (%)	4,0%	4,0%	100,0%
4. Thu nhập BQ người LĐ/người/tháng (Trđ)	5,8	5,8	100.0%

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2016 là: 374 tỷ 420 triệu đồng, đạt 114,5% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế đạt: 7 tỷ 637 triệu đồng, đạt 101,8% kế hoạch.

2./ Tổ chức và nhân sự:

a./ Danh sách Ban điều hành:

Ban giám đốc điều hành gồm có: Giám đốc, Phó Giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, Ban Giám đốc đã thực hiện hoàn thành các quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên Ban điều hành đã sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty.

- Ban Giám đốc và kế toán trưởng Công ty:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Thành	Giám đốc	14 /04/2012	29/03/2016
Ông Vũ Thanh Bình	Giám đốc	29/03/2016	
Ông Phạm Bá Phúc	Phó giám đốc	23/08/2007	
Ông Đào Thanh Sơn	Kế toán trưởng	23/08/2007	

*** GIÁM ĐỐC CÔNG TY (TỪ 29/03/2016) – ÔNG VŨ THANH BÌNH:**

- Họ và tên: **VŨ THANH BÌNH**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/11/1968
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 15/10 Hoàng Văn Thụ, P.7, TP Vũng Tàu
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
- Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1990 đến 2007: Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsopetro.
 - + Từ 2007 – 04/2011: Phó chánh Văn phòng - Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng
 - + Từ 04/2011 – 03/2016: Chánh Văn phòng - Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng;
 - + Từ tháng 03/2016 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.
- + Chức vụ hiện nay:
 - * Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.
 - * Giám đốc Điều hành Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.
- Số cổ phần nắm giữ : 2.323.612 CP
 - Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 CP
 - Đại diện phần vốn DIC Corp: 2.323.612 CP
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** PHÓ GIÁM ĐỐC - ÔNG PHẠM BÁ PHÚC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/01/1976
- Nơi sinh: Bắc Sơn – An Hải - Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Sơn – An Hải - Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 705-Chung cư SEAVIEW – P.10 – TP Vũng Tàu
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 01/2001 đến tháng 12/2001: Nhân viên phòng Kinh doanh KS Vũng Tàu

+ Từ tháng 1/2002 đến tháng 8/2003: Trưởng phòng Kinh doanh KS Vũng Tàu.
 + Từ tháng 9/2003 đến tháng 12/2005 : TP Kế hoạch Kinh doanh Cty DIC Du lịch.
 + Từ tháng 1/2006 đến nay: Phó Giám đốc Công ty DIC Du lịch
 + Chức vụ hiện nay : Thành viên hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC, Phó Giám đốc Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC, kiêm Giám đốc Xí nghiệp DIC Du lịch Biên thuộc Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.

- Số cổ phần nắm giữ : 2.334.112 CP

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 10.500 CP

- Đại diện phần vốn DIC Corp: 2.323.612 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** KẾ TOÁN TRƯỞNG – ÔNG ĐÀO THANH SƠN.**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 20/07/1975

- Nơi sinh: TP. Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dn tộc: Kinh

- Qu quán: Bắc Ninh

- Địa chỉ thường trú: 51B Hoàng Việt, P6, TP. Vũng tàu.

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

- Quá trình công tác:

+ Từ 1996 – 1997: Kế toán sản xuất Công ty TNHH GUNZE Việt Nam.

+ Từ 1997 – 1999: Kiểm soát viên thuế Chi cục Quản lý Thị trường tỉnh BRVT.

+ Từ 1999 – 2001: Kế toán tổng hợp Cty LD Máy Xây dựng Việt Nam – Uraltrac.

+ Từ 2001 – 2003: Kế toán viên Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng (DIC Corp).

+ Từ 2003 – 07/2007: Kế toán trưởng Cty DIC Du lịch thuộc DIC Corp

+ Từ 07/2007 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC

- Số cổ phần nắm giữ (Sở hữu cá nhân): 10.524 CP

- Những người có liên quan:

+ Bà Phạm Thị Vân (vợ),

+ Số cổ phần nắm giữ: 46.650 CP.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b./ Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty: Tính đến thời điểm 31/12/2016, tổng số lao động của Công ty là 322 người.

c./ Chính sách đối với người lao động:

 Chính sách đào tạo:

Công ty luôn đề cao và coi trọng con người, đó là nhân tố hàng đầu để quyết định mọi thành công trong các hoạt động của đơn vị. Vì vậy chính sách đào tạo của Công ty là:

- Việc đào tạo lao động được thực hiện theo kế hoạch. Công ty coi trọng công tác đào tạo và huấn luyện nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và ngoại ngữ; Huy động hợp lý nguồn lực để thực hiện kế hoạch đào tạo.

- Khuyến khích và đào tạo mọi điều kiện thuận lợi cho những người tài giỏi phát huy khả năng của mình để đảm nhiệm những chức vụ, chức danh cao hơn.

✚ Chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc đảm nhiệm cho người lao động. Thu hút và khuyến khích người tài giỏi mang hết khả năng để phục vụ Công ty.

✚ Chính sách thưởng:

Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh.

✚ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết.

3./ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm 2016 Công ty thực hiện một số hạng mục đầu tư, sửa chữa nâng cấp tài sản phục vụ thiết thực cho hoạt động kinh doanh của các đơn vị. Tổng giá trị đầu tư xây dựng trong năm 2016 đạt 13 tỷ, 095 triệu đồng, chi tiết như sau:

HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện
1. Hệ thống thu gom nước thải tại XN DIC Du lịch Biển kết nối vào Hệ thống xử lý nước thải Cụm KS DIC Star – Cap Saint Jacques.	Trđ	2.000	20
2. Sửa chữa nâng cấp các hạng mục KS Vũng Tàu, K/S DIC Star (phần tiếp theo)	Trđ	10.000	7.650
3. Đầu tư cải tạo cơ sở vật chất XN DIC Du lịch Biển.	Trđ	3.000	2.085
4. Đầu tư nâng cấp, sửa chữa tài sản; mua sắm tài sản cố định, CCDC cần thiết phục vụ kinh doanh	Trđ	3.000	3.340
TỔNG CỘNG		18.000	13.095

Năm 2016, một số hạng mục đầu tư không hoàn thành kế hoạch đã đề ra, nguyên nhân chủ yếu là do HĐQT, Ban Giám đốc Công ty chủ động điều chỉnh kế hoạch thực hiện đầu tư một số hạng mục công trình cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị.

4./Tình hình tài chính:

a./ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/giảm (%)
1./ Tổng giá trị tài sản	Trđ	180,602	165,229	91.5%
2./ Doanh thu thuần	Trđ	349,288	374,420	107.2%

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/giảm (%)
3./ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Trđ	8,369	4,613	55.1%
4./ Lợi nhuận khác	Trđ	677	3,024	446.7%
5./ Lợi nhuận trước thuế	Trđ	9,046	7,637	84.4%
6./ Lợi nhuận sau thuế	Trđ	6,944	6,062	87.3%
7./ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	553	537	97.1%

b./ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/giảm (%)
1./ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	3.11	3.84	123.52%
- Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0.89	0.70	78.30%
- Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	0.61	0.44	72.89%
2./ Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
- Cơ cấu tài sản				
+ Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	25.10%	15.72%	62.64%
+ Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	74.90%	84.28%	112.52%
- Cơ cấu nguồn vốn				
+ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	32.17%	26.03%	80.92%
+ Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	67.83%	73.97%	109.05%
3./ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	20.16	25.63	127.13%
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1.93	2.27	117.41%
4./ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu				
+ Lợi nhuận trước thuế/DT thuần + DT tài chính	%	2.59%	2.04%	78.72%
+ Lợi nhuận sau thuế/ DT thuần + DT tài chính	%	1.99%	1.62%	81.32%
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản				
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	5.01%	4.62%	92.26%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3.84%	3.67%	95.54%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	5.67%	4.96%	87.48%

5./ Cơ cấu cổ đông:

a./ Cổ phần:

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 11.294.323 cổ phần
 - Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 11.294.323 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.294.323 cổ phần
 - Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần.
- Công ty không phát hành bất kỳ loại trái phiếu nào.

b./ Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Đầu năm 2016		Cuối năm 2016	
	SL CP	Tỷ lệ SH (%)	SL CP	Tỷ lệ SH (%)
1. Cổ đông Nhà nước:	7.745.373	68,58	7.745.373	68,58
- Tổng Cty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	7.745.373	68,58	7.745.373	68,58
2. Đối tác chiến lược:	800.749	7,09	800.749	7,09
- Cty TNHH 1TV TMDV Bia rượu NGK Sài Gòn	800.749	7,09	800.749	7,09
3. Cổ đông khác:	2.748.201	24,43	2.748.201	24,43
a./ Tổ chức (03 tổ chức):	224.059	1,98	224.059	1,98
- Công ty CP Bia Sài Gòn Miền tây	145.060	1,28	145.060	1,28
- Công ty CP Du lịch Tân Định Fiditourist	21.000	0,19	21.000	0,19
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt	57.999	0,51	57.999	0,51
b./ Cá nhân:	2.524.142	22,35	2.524.142	22,35
Tổng cộng	11.294.323	100,00	11.294.323	100,00

c./ Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp: Không.

d./ Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e./ Các loại chứng khoán khác: Không.

6./ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

a./ Nguồn nguyên liệu:

- Với hoạt động đặc thù của doanh nghiệp là kinh doanh hệ thống khách sạn, nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là các loại thực phẩm sử dụng tại nhà hàng (rau quả, hải sản, thịt, cá...) và các loại vật tư trong phòng nghỉ. Nguồn cung cấp các nguyên vật liệu này chủ yếu ở trong nước và tại địa phương. Nhìn chung, nguồn cung cấp các nguyên vật liệu này

rất dồi dào, phong phú. Chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng tương đối từ 30% đến 60% trong giá vốn hàng bán về dịch vụ ăn uống của Công ty.

- Đối với hoạt động thương mại (kinh doanh bia, thực phẩm) thì nguồn cung cấp chủ yếu từ: Tổng công ty cổ phần Bia NGK Sài Gòn; Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk), Công ty Nước Giải khát Suntory Pepsi,

b./ Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện lưới quốc gia và điện máy phát. Bên cạnh đó, Công ty còn sử dụng nguồn năng lượng mặt trời cho hệ thống nước nóng phục vụ khách du lịch.

c./ Tiêu thụ nước: Mức tiêu thụ nước của Công ty hàng năm dao động từ : 100.000 m³ – 150.000 m³. Nguồn cung cấp nước chủ yếu của doanh nghiệp là các đơn vị cấp nước thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu. Công ty đã hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm Khách sạn Cap Saint Jacques – DIC Star – DLB.

d./ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm, Công ty không bị xử phạt do vi phạm các hành vi vi phạm môi trường.

e./ Chính sách liên quan đến người lao động:

Công ty thực hiện chế độ làm việc cho người lao động là 8 giờ trong một ngày, mỗi tuần làm việc 6 ngày từ thứ 2 đến thứ 7. Các chế độ nghỉ lễ, Tết được Công ty giải quyết theo đúng quy định Nhà nước. Ngoài ra, do đặc thù của từng loại công việc, các đơn vị trực thuộc Công ty có thể tự sắp xếp thời giờ làm việc theo ca, khoán doanh thu và nghỉ ngơi phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị nhưng không trái với quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Người lao động làm việc đủ 12 tháng tại Công ty được nghỉ phép năm theo quy định và được Công ty thanh toán tiền lương nghỉ phép theo chế độ. Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc đảm nhiệm cho người lao động. Thu hút và khuyến khích người tài giỏi mang hết khả năng để phục vụ Công ty. Công ty đưa ra chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh. Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; quan tâm đến CB – CNV trong các ngày lễ tết.

III./ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1./Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2016:

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ KH/TH
I./ CHỈ TIÊU DOANH THU:				
1./ Doanh thu theo đơn vị, bộ phận	Trđ	327,000	374,420	114.5%
- Văn phòng Công ty trực tiếp kinh doanh	Trđ	257,000	305,322	118.8%
- Khách sạn Vũng tàu	Trđ	41,000	40,581	99.0%
- Khách sạn DIC Star	Trđ	29,000	28,517	98.3%

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ KH/TH
2./ Doanh thu theo loại hình kinh doanh	Trđ	327,000	374,420	114.5%
- Doanh thu thương mại	Trđ	233,436	282,051	120.8%
- Doanh thu cho thuê buồng ngủ	Trđ	40,700	38,196	93.8%
- Doanh thu bán hàng ăn, uống, giải khát	Trđ	32,400	33,622	103.8%
- Doanh thu dịch vụ dù ghế, hồ bơi,...	Trđ	9,600	9,459	98.5%
- Doanh thu cho thuê nhà, biệt thự, giữ xe	Trđ	5,544	5,066	91.4%
- Doanh thu khác	Trđ	5,320	6,026	113.3%
II./ CHỈ TIÊU PHỤC VỤ KHÁCH LƯU TRÚ:				
1. Tổng số lượt khách lưu trú	Lượt	51,500	59,350	115.2%
-Khách quốc tế	Lượt	16,500	16,900	102.4%
-Khách trong nước	Lượt	35,000	42,450	121.3%
2. Tổng số ngày khách lưu trú	Ngày	91,800	81,000	88.2%
- Ngày khách quốc tế	Ngày	23,800	19,800	83.2%
- Ngày khách trong nước	Ngày	68,000	61,200	90.0%
3. Công suất sử dụng buồng ngủ	%	50.50%	47.00%	93.1%
III./ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TNDN	Trđ	7,500	7,637	101.8%
IV./ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NSNN:	Trđ	10,000	10,223	102.2%

** Đối với khối kinh doanh cho thuê phòng ngủ:*

Doanh thu khối phòng ngủ toàn công ty năm 2016 là: **38 tỷ 196 triệu đồng**, đạt 93,8% kế hoạch, giá bán bình quân 1 phòng của 1.108.224 đồng/phòng. Tổng số lượt khách lưu trú tại năm 2016 là: 59.350 lượt, đạt 115,2% kế hoạch. Tổng số ngày khách phục vụ năm 2016 là: 81.000 ngày, đạt 88,2% kế hoạch. Số lượt khách năm 2016 tăng so với năm 2015 nhưng số ngày khách giảm mạnh (giảm 54.459 ngày khách) so với năm 2015 là do trong năm nhóm đối tượng khách ở dài hạn bị sụt giảm dẫn đến doanh thu khối ngủ không hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

** Đối với khối kinh doanh ăn uống, giải khát:* Doanh thu khối ăn uống giải khát năm 2016 là: **33 tỷ 622 triệu đồng**, tăng 3 tỷ 497 triệu đồng so với kết quả thực hiện năm 2015, đạt 103,8% kế hoạch. Trong năm 2016, Nhà hàng DIC Lotus, Nhà hàng Khách sạn Vũng Tàu khai thác được lượng khách đoàn ổn định góp phần duy trì sự ổn định doanh thu và tăng trưởng ở lĩnh vực kinh doanh này.

** Đối với khối kinh doanh dịch vụ giải trí biển:* Doanh thu dịch vụ giải trí biển năm 2016 là: **9 tỷ 459 triệu đồng**, đạt 98,5% kế hoạch. Trong năm 2016, để hạn chế tình trạng nhếch nhác do rác thải tại nơi công cộng, các bãi tắm, công viên,... và tình hình mất an ninh trật tự do du khách say xỉn quậy phá, đánh nhau hoặc tình trạng không an toàn cho du khách khi du khách say xỉn xuống tắm biển dẫn tới tử vong, từ ngày 26-4, UBND TP. Vũng Tàu cấm các tổ chức buôn bán, nấu nướng, ăn nhậu tại các bãi biển, nơi công cộng; đồng thời khuyến cáo khách du lịch không mang theo dụng cụ nấu thức ăn, thực phẩm, rượu, bia và tổ chức nấu nướng, ăn nhậu tại các bãi biển, nơi công cộng. Chủ trương chính sách này về lâu dài sẽ có những tác động tích cực đến môi trường du lịch của tỉnh nhà. Tuy nhiên, giai đoạn đầu triển khai do nhận thức của người dân chưa có sự đồng tình cao nên lượng khách đến và sử dụng dịch vụ bãi biển có sự sụt giảm, từ đó ảnh hưởng đến doanh thu của hoạt động kinh doanh dịch vụ giải trí biển.

* *Đối với khối kinh doanh thương mại:* Tổng doanh thu kinh doanh thương mại năm 2016 đạt **282 tỷ 051 triệu đồng**, đạt 120,8% kế hoạch. Doanh thu kinh doanh mặt hàng Pepsi, ổn định. Doanh thu nhóm hàng Bia Sài Gòn các loại giảm. Doanh thu kinh doanh sữa Vinamilk có sự tăng trưởng. Doanh thu phân phối các sản phẩm của Vinamilk đã góp phần chính tạo ra sự tăng trưởng doanh thu của bộ phận kinh doanh thương mại năm 2016.

* *Đối với khối kinh doanh phòng họp, cho thuê mặt bằng, ki ốt, kinh doanh tạp hoá, giữ xe và các hoạt động kinh doanh khác:* Doanh thu khối phòng họp, cho thuê mặt bằng, giữ xe của công ty là: **5 tỷ 066 triệu đồng**, đạt 91,4% kế hoạch. Trong năm 2016, hoạt động kinh doanh phòng họp, cho thuê mặt bằng, ki ốt, kinh doanh tạp hoá, giữ xe không hoàn thành kế hoạch đề ra là do giảm sút doanh thu cho thuê mặt bằng Khu Nhà hàng Seaview Việt Đức (Công ty TNHH Thiên Phúc Sông Rạch Hào ngưng hợp đồng trước thời hạn) và giảm doanh thu khu Vũ trường Star Club do khó khăn trong kinh doanh.

* *Hoạt động kinh doanh khác :* Doanh thu hoạt động kinh doanh khác của Công ty năm 2016 đạt: **6 tỷ 026 triệu đồng**, đạt 113,3% kế hoạch.

2./ Tình hình tài chính:

a./ *Tình hình tài sản – nguồn vốn của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2016:*

Tài sản (trđ)		Nguồn vốn (trđ)	
I. Tài sản ngắn hạn	25.977	I. Nợ phải trả	43.012
- Tiền và khoản tương đương	4.491	- Nợ ngắn hạn	37.275
- Tài sản ngắn hạn khác	21.486	- Nợ dài hạn	5.737
II. Tài sản dài hạn	139.252	II. Vốn chủ sở hữu	122.217
Tổng cộng	165.229	Tổng cộng	165.229

b./ *Tình hình nợ phải thu, nợ trả:*

- Công nợ phải thu khách hàng: Đơn vị tổ chức theo dõi chi tiết công nợ theo từng đối tượng khách hàng; cuối quý thực hiện việc đối chiếu công nợ; việc phân công thu hồi nợ được giao cụ thể cho các bộ phận trực tiếp bán hàng, phòng Tài chính Kế toán thực hiện giám sát thu hồi và đôn đốc nợ. Các khoản phải thu khác được đơn vị quản lý chặt chẽ theo quy định.

- Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi: Trong năm không phát sinh tăng các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Ngoài việc đôn đốc thu hồi công nợ đến hạn và phát sinh hàng tháng, Công ty tập trung theo dõi và đôn đốc thu hồi các các khoản nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng của năm trước. Tổng giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu năm 2016 là: 715 trđ, giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm 2016 là 783 trđ, tăng 68 trđ.

- Các khoản vay được quản lý chặt chẽ, tuân thủ các quy định của hợp đồng vay vốn; Các khoản phải trả khách hàng chủ yếu là công nợ luân chuyển và được đơn vị theo dõi chi tiết theo mã đối tượng, nội dung phát sinh nợ;

c./ *Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:*

Trong năm 2016, Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC đã thực hiện tốt công tác kê khai và nộp thuế theo chế độ quy định. Tại đơn vị không có trường hợp chậm nộp tờ khai hoặc chậm nộp thuế. Tổng số thuế phải nộp năm 2016 là: 10 tỷ 223 triệu đồng. Tổng số thuế đã nộp trong năm 2016 là: 10 tỷ 227 triệu đồng.

d./ Tình hình chi lương và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN:

Thu nhập bình quân người lao động năm 2016 đạt 5,8 triệu đồng/người/tháng. Tiền lương hàng tháng của người lao động được công ty quan tâm chi trả kịp thời. Chậm nhất là ngày 10 – 15 đầu tháng sau, Công ty thanh toán lương cho người lao động của tháng trước đó. Trong năm 2015, Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC đã thực hiện tốt việc trích và nộp quỹ BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn theo chế độ quy định. Toàn bộ người lao động có ký hợp đồng ổn định với công ty đều được đơn vị kê khai và nộp BHXH, BHYT, BHTN. Số tiền phải nộp cho cơ quan BHXH, BHTN hàng tháng đều được kế toán đơn vị thanh toán đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. Chế độ trợ cấp thai sản, ốm đau, nghỉ dưỡng sức, tai nạn lao động,... cho từng trường hợp lao động cụ thể đều được công ty quan tâm xét xét, thực hiện kịp thời, đúng chế độ.

3./ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Công ty luôn đặt tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ lên hàng đầu, đảm bảo theo quy chuẩn của Khách sạn 4 sao từ trang thiết bị, đầu tư đến trình độ ngoại ngữ và tay nghề của CBCNV v.v... Hiện nay, Công ty đã đầu tư cho Cụm khách sạn những hệ thống thiết bị quản lý hiện đại như sau:

- Hệ thống cửa khóa từ quản lý bằng phần mềm mã vạch;
 - Hệ thống kết sắt tự động đóng mở bằng thẻ từ tiện lợi;
 - Hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời quản lý bằng hệ thống điều khiển trung tâm;
 - Hệ thống wifi indoor – out door phủ song toàn bộ cụm khách sạn quản lý bằng phần mềm vi tính.
- Hệ thống máy vi tính của Công ty được nối mạng nội bộ và nối mạng Internet băng thông rộng ADSL.

Công ty thực hiện quản lý hệ thống khách sạn bằng phần mềm **Sigma.soft** liên kết tất cả các bộ phận như lễ tân, buồng, bàn, bếp, kinh doanh, kế toán nên đã giảm thiểu công việc thủ công, bớt sai sót và phục vụ khách nhanh chóng, kịp thời, chất lượng cao. Phần mềm **Sigma.soft** còn được liên kết để lãnh đạo Công ty cập nhật tình hình kinh doanh và có những chỉ đạo sát sao, hợp lý. Hiện tại Công ty đang liên kết với các trang web đặt chỗ qua mạng như: www.agoda.vn, www.booking.com, www.genaresasia.com ... Thông qua các trang web này đã làm tăng một lượng đáng kể khách du lịch đến nghỉ tại cụm khách sạn DIC. Công ty cũng đang chủ động xây dựng hệ thống đặt phòng trực tuyến trên website của Công ty và dự kiến sẽ đưa vào hoạt động trong thời gian sớm nhất.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng phần mềm **KTVN** trong công tác Kế toán nhằm quản lý hệ thống kế toán của toàn Công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán của Công ty. Công ty luôn có đội kiểm tra định kỳ hàng tháng nhằm đánh giá vệ sinh và chất lượng dịch vụ v.v... Ngoài ra, Công ty cũng đã đăng ký với Sở Y tế về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, cũng như đã ký hợp đồng mua bảo hiểm cháy nổ cho cụm khách sạn với Công ty Bảo hiểm Ngân hàng đầu tư (BIC).

Nhận thức sâu sắc về vấn đề thương hiệu, Công ty đã nỗ lực xây dựng và quảng bá thương hiệu của mình đối với khách hàng. Trong những năm qua, thương hiệu của Công ty đã được biết đến rộng rãi và tạo niềm tin với du khách trong nước cũng như du khách quốc tế. Với mục tiêu mở rộng và phát triển thị trường để tìm kiếm các hợp đồng mới có giá trị, phát triển các hoạt động kinh doanh, hàng năm Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC luôn thực hiện chủ trương đẩy mạnh hoạt động marketing, xây dựng các chiến lược nhằm duy trì khách hàng cũ và mở rộng được mạng lưới khách hàng mới như: phát hành thẻ VIP,

giảm giá dịch vụ, tặng sản phẩm cho khách hàng truyền thống và khách hàng tiềm năng.

4./ Kế hoạch phát triển tương lai:

- Tập trung phát triển du lịch và dịch vụ du lịch là ngành nghề kinh doanh chính và nền tảng cơ bản cho mọi hoạt động kinh doanh khác.

- Đẩy mạnh doanh thu của đơn vị thông qua việc khai thác kinh doanh sang lĩnh vực cung ứng dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh trong ngành du lịch.

- Đẩy mạnh hoạt động liên doanh, liên kết, hợp tác khai thác kinh doanh các dự án khách sạn, khu du lịch cao cấp với thế mạnh là đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên giàu kinh nghiệm, giỏi chuyên môn nghiệp vụ và am hiểu quy trình quản lý điều hành công việc.

5./ Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.

6./ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Nước thải sinh hoạt của các bộ phận, đơn vị trực thuộc đều được thu gom qua hệ thống xử lý tập trung đáp ứng tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường bên ngoài. Đối với các chất thải rắn, chất thải công nghiệp Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng chuyên môn trong tỉnh để thu gom và xử lý theo quy định. Định kỳ 06 tháng các đơn vị bộ phận của Công ty đều có báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định hiện hành của Nhà nước.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1./ Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2016 là một năm hoạt động thành công của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC; các mặt hoạt động của Công ty đều hoàn thành và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra; Công ty thực hiện tốt các nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, thu nhập, đời sống người lao động được ổn định.

2./ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2016, Hoạt động SXKD tại Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC luôn chấp hành đúng các chính sách của pháp luật hiện hành, điều lệ hoạt động của Công ty. Căn cứ các quy định của pháp luật và Điều lệ và các quy chế hoạt động của đơn vị, Ban Giám đốc công ty đã tiến hành soạn thảo và ban hành bổ sung các nội quy, quy định nội bộ để cụ thể hoá, quy định chi tiết chức năng nhiệm vụ của các phòng ban chức năng công ty. Các quy định này là hành lang pháp lý phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của Công ty.

Trong năm 2016, Ban lãnh đạo Công ty và các phòng ban chức năng đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả SXKD năm 2016, đơn vị hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

3./ Kế hoạch, định hướng của HĐQT:

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC là một trong những khách sạn có nhiều phòng nhất tại thành phố Vũng Tàu và là một trong những đơn vị kinh doanh du lịch và dịch vụ du lịch dẫn đầu của Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về chất lượng cũng như về doanh số kinh doanh. Bên cạnh đó, là một trong những đơn vị dẫn đầu ngành du lịch, khách sạn của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, DIC T&T có nhiều triển vọng phát triển trong tương lai. Với vị trí kinh doanh thuận lợi, diện tích mặt bằng kinh doanh khách sạn rộng rãi (hơn 10.000 m²) và khu vực bãi biển dài hơn 320m, diện tích hơn 20.000 m² là cơ hội tốt để DIC T&T phát

triển về chiều rộng lẫn chiều sâu. Thời gian tới DIC T&T sẽ tập trung phát triển theo chiều sâu, nâng cao đẳng cấp và chất lượng sản phẩm dịch vụ và coi đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu quả và cải tiến lợi nhuận cho doanh nghiệp.

** Triển vọng phát triển của ngành:*

Ngành du lịch đang từng bước trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam với tiềm năng phát triển rất lớn như các địa danh, ẩm thực nổi tiếng,... có sức hấp dẫn du khách cao. Định hướng phát triển của ngành du lịch Việt Nam trong thời gian tới là phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa lịch sử, huy động tối đa nguồn nhân lực trong nước và tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ quốc tế, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từng bước đưa nước ta trở thành một trung tâm du lịch có tầm cỡ khu vực, phấn đấu đưa du lịch Việt Nam được xếp vào nhóm quốc gia có ngành du lịch phát triển trong khu vực.

Việt Nam có bờ biển dài và đẹp, thiên nhiên phong phú; giao thông, khí hậu thuận lợi nên tiềm năng phát triển du lịch của Việt Nam là rất lớn. Bà Rịa - Vũng Tàu là một trong những tỉnh có cửa ngõ giao lưu giữa Việt Nam và thế giới, có hệ thống đường biển, đường sông và đường hàng không rất thuận tiện. Bà Rịa - Vũng Tàu đang từng bước khẳng định thế mạnh du lịch của mình, nhờ lợi thế về tiềm năng thiên nhiên và nhân văn phong phú. Bà Rịa - Vũng Tàu là một quần thể thiên nhiên hài hòa, sơn thủy hữu tình, có những dãy Núi Lớn - Núi Nhỏ - Minh Đạm, Núi Dinh che chắn, xa xa biển Đông có Côn Đảo bao bọc, ở gần có Long Sơn quy tụ. Với những lợi thế và tiềm năng to lớn nói trên, trong xu thế xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu về du lịch vui chơi, giải trí ngày càng cao. Định hướng phát triển du lịch và dịch vụ du lịch của Công ty rất phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và kinh tế thế giới.

V./ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1./ Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp, ban hành 14 nghị quyết và nhiều biên bản cuộc họp để triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông, xem xét và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, ban hành sửa đổi bổ sung một số nội quy, quy chế hoạt động của đơn vị; phê duyệt các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Thành phần Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số cổ phần sở hữu và đại diện	Tỷ lệ/ VDL
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Chủ tịch	01/07/2013	29/03/2016	0	0%
Ông Phạm Văn Thành	Chủ tịch	29/03/2016		3.172.731	28,09%
Ông Vũ Thanh Bình	Thành viên	29/03/2016		2.323.612	20,57%
Ông Phạm Bá Phúc	Thành viên	14/04/2012		2.334.112	20,67%
Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên	14/04/2012		800.749	7,09%
Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên	14/04/2012		31.500	0,28%

Số lượng thành viên độc lập không điều hành là 2 người gồm: Ông Trương Vĩnh Tùng và Ông Nguyễn Xuân Hải.

*** Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị:**

*** Chủ tịch HĐQT (Từ 29/03/2016) – ÔNG PHẠM VĂN THÀNH**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/8/1962
- Nơi sinh: Đa Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hoá.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đa Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hoá.
- Địa chỉ thường trú: Số 205 Hoàng Văn Thụ, P7, TP. Vũng tu.
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị.

- Quá trình công tác:
+ Từ năm 1986 đến năm 2000 công tác tại Công ty Xây dựng Dầu khí - Bộ Xây dựng, đảm nhận các chức vụ:

* Giám đốc khách sạn Thùy Dương

* Phó Giám đốc XNKD nhà và DVDL, kiêm Giám đốc KS Long Hải

* Giám đốc XN DVDL, kiêm Giám đốc KS Mỹ Trà

+ Từ năm 2000 đến nay công tác tại Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng – Bộ Xây dựng, đảm nhận các chức vụ : Giám đốc Khách sạn Vũng Tàu, Giám đốc Công ty DIC Du lịch.

+ Từ tháng 07/2007 đến – 06/2013 giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc điều hành Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ tháng 07/2013 đến 29/03/2016: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ 29/03/2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng.

- Số cổ phần nắm giữ : 3.172.731 CP

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 74.582 CP

+ Đại diện phần vốn DIC Corp: 3.098.149 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** TV HĐQT – ÔNG VŨ THANH BÌNH** (xem trình bày ở phần Ban Giám đốc)

*** TV HĐQT – ÔNG PHẠM BÁ PHÚC** (xem trình bày ở phần Ban Giám đốc)

*** TV HĐQT - ÔNG TRƯƠNG VĨNH TÙNG**

- Họ và tên: Trương Vĩnh Tùng.

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 15/08/1975
- Nơi sinh: Bến tre.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến tre
- Địa chỉ thường trú: 28-30 lầu 1, Nguyễn Cư Trinh, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đối ngoại trường ĐH Ngoại Thương.
- Quá trình công tác:
 - +2000 - 2003 : Hạ sĩ quan Nhà tạm giữ Công an Quận 1, TP.HCM.
 - +2003 - 2007: Nhân viên Hải quan TP.HCM
 - +2007 -2008: Nhân viên Công ty TNHH MTV Thương mại SABECO.
 - +2008 -04/2011: Trưởng phòng Tổng hợp Tổ chức Hành chính Công ty TNHH MTV Thương mại SABECO.
 - +04/2011 - 2013: Trưởng phòng Tổng hợp Tổ chức Hành chính Công ty TNHH MTV Thương mại SABECO;
 - + 2013 – 2016: Giám đốc Điều hành Văn phòng – Pháp chế Cty TNHH 1 Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn.
 - + 2016 – Nay: Tổng Giám đốc Cty TNHH 1 Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn.
- Chức vụ hiện nay :
 - + Tổng Giám đốc Công ty TNHH 1 Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền;
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu;
 - + Thành viên HĐQT Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.
- Số cổ phần nắm giữ : 800.749 CP
 - Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 CP
 - +Đại diện phần vốn nhà nước: 800.749 CP
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- * Thành viên HĐQT – ÔNG NGUYỄN XUÂN HẢI**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/8/1958
- Nơi sinh: Hiệp Hòa - Kinh Môn - Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hiệp Hòa - Kinh Môn - Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: 43 Tiền Giang, P.2, Q. Tân Bình – TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư hóa học
- Qu trình công tác:
 - + Từ năm 1975 đến năm 1986: Bộ đội hải quân, giáo viên, trưởng ban kế hoạch trường sĩ quan phòng hóa, Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn học viên.
 - + Từ năm 1986 - 1992: Học viện phòng hóa Liên Xô, trợ lý hóa học quân khu 7.
 - + Từ năm 1992 - 2002: Giám đốc XNK, Phó GD Cty TECAPRO - Bộ Quốc phòng
 - + Từ năm 2002 đến năm 2005: Phó Giám đốc Công ty CP TM & KDN H&F
 - + Từ năm 2005 – 2013: Phó GD Công ty CP Bia SG - Bình Tây
 - + Từ năm 2013 – Nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Bia SG Bình Tây
- + Chức vụ hiện nay :
 - * Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây.
 - * Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.
- Số cổ phần nắm giữ : 31.500 CP
 - Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 31.500 CP
 - Đại diện phần vốn nhà nước: 0 CP
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2./ Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của công ty.

- Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14/04/2012
Bà Nguyễn Thị Chín	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2012
Bà Lê Phương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/05/2014

- Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát:

* Trưởng Ban kiểm soát – Bà NGUYỄN THỊ HIỀN

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 08/3/1967 Nơi sinh: Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 273098187 Ngày cấp: 16/4/1998 Nơi cấp: CA BR-VT
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 13 - Lô C – Ngô Đức Kế - P.7 – TP Vũng Tàu
- Số điện thoại liên lạc: 0938031968
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

- Quá trình công tác:
- + Từ năm 1987 đến năm 1993: Nhân viên – Công ty dịch vụ Du lịch Dầu khí Việt Nam.
- + Từ năm 1994 - đến năm 1995: Nhân viên – Trường đào tạo nhân lực Dầu khí;
- + Từ năm 1996 - đến năm 1998: Nhân viên – Công ty TM&DV tỉnh BR-VT;
- + Từ năm 1999 - đến năm 2000: Phụ trách kế toán – XN sửa chữa giàn khoan & các phương tiện dầu khí – Công ty VIMEXCO;
- + Từ năm 2000 đến tháng 9/2001: Kế toán trưởng – Công ty Hàng Hải Thái Bình Dương;
- + Từ tháng 10/2001 đến nay: Chuyên viên Phòng Đầu tư và Quản lý vốn Tổng Công ty CP Đầu tư phát triển Xây dựng.
- Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên Phòng Đầu tư và Quản lý vốn Tổng Công ty CP Đầu tư phát triển Xây dựng.

- Số lượng cổ phần được đại diện hoặc sở hữu : 0 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** Thành viên Ban kiểm soát – Bà NGUYỄN THỊ CHÍN**

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 12/01/1968 Nơi sinh: Ninh Bình

- Quốc tịch: Việt Nam

- CMND số: 273261025 Ngày cấp: 06/3/2004 Nơi cấp: CA BR-VT

- Địa chỉ thường trú: Số nhà 163/2 – Hoàng Văn Thụ - P.7 – TP Vũng Tàu

- Số điện thoại liên lạc: 0908743768

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán.

- Quá trình công tác :

+ Từ năm 1989 đến năm 2005: Làm kế toán tại Công ty Xây dựng Dầu khí – Bộ Xây dựng.

+ Từ năm 2005 đến 2016: Công tác tại siêu thị thực phẩm - Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC

+ Từ năm 2016 đến nay: Công tác tại Khách sạn DIC Star - Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC

- Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên văn phòng Khách sạn DIC Star.

- Số lượng cổ phần được đại diện hoặc sở hữu : 6.659 cổ phần.

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** Thành viên Ban kiểm soát – Bà LÊ PHƯƠNG THẢO**

- Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh: 22/01/1985
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: 92/9 Phạm Hồng Thái, phường 7, Tp. Vũng tàu
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 09/2007 đến nay: Công tác tại Phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp);
 - + Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán DIC Corp
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3./ Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý:

a./ Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích liên quan đến thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý:

Vị trí chức danh	Tiền Lương	Tiền thù lao, thưởng, phụ cấp	Tổng cộng:
Ông Nguyễn Văn Hoàn - Chủ tịch HĐQT (đến 28/03/2016.)	129.043.478	53.243.000	182.286.478
Ông Phạm Văn Thành - Chủ tịch HĐQT (từ 29/03/2016)	149.981.957	96.453.000	246.434.957
Ông Vũ Thanh Bình - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	226.247.658	20.178.000	246.425.658
Ông Phạm Bá Phúc - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty	333.969.231	103.387.054	437.356.285
Ông Đào Thanh Sơn – Kế toán trưởng Công ty.	242.009.615	77.793.000	319.802.615
Ông Trương Vĩnh Tùng - Thành viên HĐQT độc lập	0	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hải - Thành viên HĐQT độc lập	0	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Hiền - Trưởng Ban Kiểm soát.	0	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Phương Thảo – Thành viên Ban kiểm soát	0	12.000.000	12.000.000

Vị trí chức danh	Tiền Lương	Tiền thù lao, thưởng, phụ cấp	Tổng cộng:
Bà Nguyễn Thị Chín – Thành viên Ban kiểm soát	73.230.495	12.000.000	85.230.495
Cộng:	1.154.482.43	453.054.054	1.607.536.488

b./ *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ từ khi đăng ký giao dịch Upcom:* Không.

c./ *Hợp đồng hoặc giao dịch của cổ đông nội bộ:* Không.

VI./ BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1./ Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2./ Báo cáo Tài chính được kiểm toán:

a./ *Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:*

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.977.320.444	45.334.837.318
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.491.091.239	8.504.507.096
1. Tiền	111		4.491.091.239	8.504.507.096
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán KD	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.375.451.725	22.017.082.700
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	9.567.929.084	17.501.469.458
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.064.083.776	1.068.114.023
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.491.934.678	4.142.844.428
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(782.899.643)	(714.995.926)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	34.403.830	19.650.717
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	9.404.300.507	14.411.363.850
1. Hàng tồn kho	141		9.404.300.507	14.411.363.850
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		706.476.973	401.883.672
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	706.476.973	401.883.672

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		139.251.330.642	135.266.849.028
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		638.161.123	640.144.403
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	638.161.123	640.144.403
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		126.578.469.698	115.087.427.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	118.043.469.698	106.552.427.878
- Nguyên giá	222		183.335.016.003	169.523.935.793
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.291.546.305)	(62.971.507.915)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			-
- Nguyên giá	225			-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	8.535.000.000	8.535.000.000
- Nguyên giá	228		8.620.680.000	8.620.680.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.680.000)	(85.680.000)
III. Bất động sản đầu tư	230			-
- Nguyên giá	231			-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.397.391.862	10.484.971.499
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241			-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1.397.391.862	10.484.971.499
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	743.000.000	743.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		743.000.000	743.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.894.307.959	8.311.305.248
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	9.894.307.959	8.311.305.248
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			-
4. Tài sản dài hạn khác	268			-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		165.228.651.086	180.601.686.346

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.011.814.347	58.105.343.379
I. Nợ ngắn hạn	310		37.275.012.777	50.925.687.245
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	11.398.103.486	14.910.236.842
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	536.472.649	1.245.184.980
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.142.276.714	1.146.173.805
4. Phải trả người lao động	314		3.960.475.549	7.588.993.588
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.411.200	30.000.000
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		19.636.363	31.818.182
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.171.891.000	1.423.301.625
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	18.791.839.287	24.458.444.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		251.906.529	91.534.223
II. Nợ dài hạn	330		5.736.801.570	7.179.656.134
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	1.084.654.500	1.469.455.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	4.652.147.070	5.710.201.134
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122.216.836.739	122.496.342.967
I. Vốn chủ sở hữu	410		122.216.836.739	122.496.342.967
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	112.943.230.000	112.943.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		112.943.230.000	112.943.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	(173.000.000)	(173.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	3.058.536.758	2.364.141.131
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	6.388.069.981	7.361.971.836
- LNST chưa PP kể đến cuối kỳ trước	421a		326.019.082	418.015.566
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.062.050.899	6.943.956.270
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		165.228.651.086	180.601.686.346

b./ Báo cáo kết quả hoạt động SXKD :

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	374.420.162.705	349.292.273.910
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	4.701.945
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	VI.3	374.420.162.705	349.287.571.965
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	305.152.554.465	264.198.469.442
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		69.267.608.240	85.089.102.523
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	169.585.375	122.459.965
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	2.247.804.355	1.531.725.013
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.246.149.217	1.520.718.330
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	55.421.422.614	69.024.171.288
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	7.155.229.222	6.286.284.460
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		4.612.737.424	8.369.381.727
11. Thu nhập khác	31	VI.9	3.141.023.315	2.072.126.702
12. Chi phí khác	32	VI.10	117.077.199	1.395.626.958
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.023.946.116	676.499.744
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.636.683.540	9.045.881.471
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.574.632.641	2.101.925.201
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		6.062.050.899	6.943.956.270
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	537	553

c./ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		420.059.021.385	381.994.110.801
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(346.175.083.199)	(298.840.304.153)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(30.688.929.828)	(27.999.908.443)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.246.149.217)	(1.520.718.330)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.580.037.383)	(1.971.415.683)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19.104.164.709	5.043.478.117
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(42.460.098.867)	(48.441.111.543)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.012.887.600	8.264.130.766
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.045.055.343)	(7.855.075.296)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		107.563.636	1.681.818
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		137.829.110	136.683.992
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.799.662.597)	(7.716.709.486)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		57.147.605.223	46.937.945.134
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(63.872.264.000)	(40.520.500.000)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.501.085.630)	(3.931.314.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.225.744.407)	2.486.131.074
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	0		(4.012.519.404)	3.033.552.354
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.504.507.096	5.468.733.265
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(896.453)	2.221.477
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.491.091.239	8.504.507.096

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty được chuyển đổi từ Công ty 100% vốn nhà nước theo Quyết định số 977/QĐ-BXD ngày 05 tháng 07 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng “V/v Chuyển Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty DIC Du lịch thuộc Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng thành Công ty Cổ phần”.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3500592920 (Số cũ 4903000405), đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 07 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 169 đường Thùy Vân, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Kinh doanh khách sạn; Kinh doanh nhà hàng; Mua bán đồ uống có cồn; Mua bán đồ uống không cồn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016 Công ty có các chi nhánh sau:

Tên	Địa chỉ
Khách sạn Vũng Tàu	Số 169 đường Thùy Vân, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Khách sạn Ngôi sao DIC	Số 169 đường Thùy Vân, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các Báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 15 năm
- Các tài sản khác	05 - 10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp tối đa không quá 10 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận và theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được kế toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
Tiền mặt	387.609.227	1.008.281.939
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.071.397.260	7.460.176.157
Tiền đang chuyển	32.084.752	36.049.000
Cộng	<u>4.491.091.239</u>	<u>8.504.507.096</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<u>31/12/2016</u>				<u>01/01/2016</u>			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	10.000	700.000.000	-	1.690.000.000	10.000	700.000.000	-	700.000.000
Công ty CP TM SABECO trung tâm	4.300	43.000.000	-	43.000.000	4.300	43.000.000	-	43.000.000
Cộng		<u>743.000.000</u>	-	<u>1.733.000.000</u>		<u>743.000.000</u>	-	<u>743.000.000</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP CT Đường ống khí Nam Côn Sơn	225.535.000	833.242.500
Trường Cao Đẳng Nghề Dầu Khí	-	9.152.180.000
Lê Công Trà	424.011.048	424.011.048
Phạm Thị Hồng Nhung	298.912.050	334.650.000
Tổng Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	2.730.063.468	113.987.368
Công ty CP Sữa Việt Nam	906.165.009	-
Các khách hàng khác	4.983.242.509	6.643.398.542
Cộng	9.567.929.084	17.501.469.458

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	2.730.063.468	113.987.368

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH SX Thương mại Phương Hiền	213.700.000	307.700.000
Chi Nhánh Công ty CP TM bia Sài Gòn Miền Đông tại BR – VT	673.024.000	200.224.506
Công ty CP Xây dựng và Trang trí nội thất Mạnh Thăng	-	294.602.517
Các nhà cung cấp khác	177.359.776	265.587.000
Cộng	1.064.083.776	1.068.114.023

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	52.230.000	52.230.000

5. Phải thu khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	1.491.934.678	4.142.844.428
Tạm ứng	342.926.621	1.348.004.257
Ký cược, ký quỹ	358.510.000	350.110.000
Phải thu khác	790.498.057	2.444.730.171
Cổ tức và lợi nhuận được chia	30.000.000	-

Công ty Pepsico Việt Nam	163.999.552	198.287.632		
Chi nhánh Công ty CP TM bia Sài Gòn Miền Đông tại BR – VT	67.475.437	291.498.131		
BHXX, BHYT, BHTN	7.350.689	155.519.925		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	241.016.755	1.267.476.741		
Nguyễn Văn Bền	197.992.636	376.453.256		
Các khoản phải thu khác	82.662.988	155.494.486		
b) Phải thu dài hạn khác	638.161.123	640.144.403		
Ký cược, ký quỹ	638.161.123	640.144.403		
Cộng	2.130.095.801	4.782.988.831		
6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	31/12/2016	01/01/2016		
	VND	VND		
Lê Công Trà	424.011.048	424.011.048		
Các khách hàng khác	358.888.595	290.984.878		
Cộng	782.899.643	714.995.926		
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	31/12/2016	01/01/2016		
	VND	VND		
Hàng tồn kho	34.403.830	19.650.717		
Cộng	34.403.830	19.650.717		
8. Hàng tồn kho	31/12/2016	01/01/2016		
	VND	VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	676.283.520	-
Nguyên liệu, vật liệu	792.207.822	-	609.276.766	-
Công cụ, dụng cụ	653.183.387	-	1.499.531.868	-
Hàng hoá	7.908.371.634	-	11.567.613.404	-
Hàng gửi bán	50.537.664	-	58.658.292	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	9.404.300.507	-	14.411.363.850	-
9. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2016	01/01/2016		
Xây dựng cơ bản dở dang	VND	VND		
Sửa chữa Khu 7 tầng Khách sạn Vũng Tàu	1.193.299.736	9.337.844.407		
Khu VIP Khách sạn Vũng Tàu	-	943.034.966		
Hệ thống xử lý nước thải Xí nghiệp Biển	204.092.126	204.092.126		
Cộng	1.397.391.862	10.484.971.499		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	139.618.250.684	10.569.437.179	7.991.643.846	7.288.655.712	4.055.948.372	169.523.935.793
Mua trong năm	382.423.787	-	-	41.622.000	1.132.626.258	1.556.672.045
Đầu tư XD CB hoàn thành	15.023.734.827	-	-	286.831.000	-	15.310.565.827
Thanh lý, nhượng bán	-	(442.931.818)	(1.004.741.711)	(777.311.873)	(831.172.260)	(3.056.157.662)
Số dư cuối năm	155.024.409.298	10.126.505.361	6.986.902.135	6.839.796.839	4.357.402.370	183.335.016.003
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	38.467.692.312	9.009.084.742	6.208.531.868	6.178.007.562	3.108.191.431	62.971.507.915
Khấu hao trong năm	4.132.540.057	232.847.686	379.052.991	266.879.392	344.976.504	5.356.296.630
Thanh lý, nhượng bán	-	(442.931.818)	(1.004.741.711)	(757.412.451)	(831.172.260)	(3.036.258.240)
Số dư cuối năm	42.600.232.369	8.799.000.610	5.582.843.148	5.687.474.503	2.621.995.675	65.291.546.305
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	101.150.558.372	1.560.352.437	1.783.111.978	1.110.648.150	947.756.941	106.552.427.878
Tại ngày cuối năm	112.424.176.929	1.327.504.751	1.404.058.987	1.152.322.336	1.735.406.695	118.043.469.698

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 88.634.235.987 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.474.696.368 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không.

Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-DIC.T&T ngày 28/04/2016, Công ty sẽ tiếp tục sửa chữa, nâng cấp các hạng mục Khách sạn Vũng Tàu và Khách sạn DIC Star; Đầu tư hệ thống thu gom nước thải tại Xí nghiệp DIC du lịch Biển kết nối vào hệ thống xử lý nước thải cụm Khách sạn DIC Star – CSJ; Đầu tư cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật Xí nghiệp DIC du lịch Biển.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.535.000.000	85.680.000	8.620.680.000
Mua trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	8.535.000.000	85.680.000	8.620.680.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	85.680.000	85.680.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	85.680.000	85.680.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	8.535.000.000	-	8.535.000.000
Tại ngày cuối năm	8.535.000.000	-	8.535.000.000

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 85.680.000 đồng.

Quyền sử dụng đất có diện tích 1.707 m² tại số 265 Lê Hồng Phong (hiện nay là 169 Thùy Vân), phường 8, TP Vũng Tàu với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-120593 ngày 13/07/1996 không xác định thời hạn sử dụng, giá trị được đánh giá lại theo Quyết định 1801/QĐ-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa. Quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Vũng Tàu.

12. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	706.476.973	401.883.672
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	377.434.907	262.629.253
Chi phí giới thiệu sản phẩm	41.313.260	26.908.583
Chi phí sửa chữa	198.646.600	54.377.580
Chi phí mua bảo hiểm	572.876	7.033.934
Chi phí may đồng phục	41.995.000	50.934.322
Chi phí khảo sát thị trường	46.514.330	-
b) Chi phí trả trước dài hạn	9.894.307.959	8.311.305.248
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.945.901.197	3.813.102.502
Chi phí sửa chữa thường xuyên	3.058.089.197	2.097.277.231
Lợi thế thương mại	890.317.565	2.400.925.515
Cộng	10.600.784.932	8.713.188.920

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả khách hàng bia rượu, nước giải khát	5.281.477.218	5.828.528.308
Phải trả khách hàng cung cấp vật tư, tài sản	816.348.696	1.162.922.085
Phải trả khách hàng Khách sạn Vũng Tàu	3.079.584.340	4.150.967.982
Phải trả khách hàng Khách sạn DIC Star	1.334.265.370	2.050.969.962
Phải trả khách hàng Xí nghiệp Biển	764.917.329	957.569.612
Các nhà cung cấp khác	121.510.533	759.278.893
Cộng	11.398.103.486	14.910.236.842

Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	38.850.000	38.850.000

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trung tâm Đào tạo - NC Công nghệ SABECO	-	122.136.000
Trường Đại học Công Nghiệp	-	453.150.000
Công ty TNHH Honour Lane Logistics	-	115.200.000
Công ty TNHH Truyền thông QCDL Letsviet	80.000.000	-
Các khách hàng khác	456.472.649	554.698.980
Cộng	536.472.649	1.245.184.980

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	792.213.991	6.749.352.991	6.708.819.700	832.747.282
Thuế tiêu thụ đặc biệt	25.508.414	119.450.091	141.601.862	3.356.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp	301.810.265	1.574.632.641	1.580.037.383	296.405.523
Thuế thu nhập cá nhân	26.641.135	222.272.320	239.146.189	9.767.266
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.510.432.595	1.510.432.595	-
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	40.114.977	40.114.977	-
Cộng	1.146.173.805	10.223.255.615	10.227.152.706	1.142.276.714

Các khoản phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	1.171.891.000	1.423.301.625
Tài sản thừa chờ xử lý	32.898.830	5.382.426
Kinh phí công đoàn	1.987.659	10.495.771
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	961.531	-
Nhận ký quỹ ký cược	259.129.449	330.160.000
Cổ tức phải trả	578.316.930	432.241.060
Phải trả, phải nộp khác	298.596.601	645.022.368
Phải trả Công ty Pepsico	57.541.853	204.958.247
Phải trả hàng khuyến mãi khách hàng mua sữa Vinamilk	1.577.760	147.650.590
Phải trả thưởng nhân viên Vinamilk	-	74.019.859
Trần Hoàng Thiên	52.346.019	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	187.130.969	218.393.672
b) Phải trả dài hạn khác	1.084.654.500	1.469.455.000
Nhận ký quỹ ký cược	1.084.654.500	1.469.455.000
Cộng	2.256.545.500	2.892.756.625

16. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2016	Trong năm		31/12/2016
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
a) Vay ngắn hạn	24.458.444.000	57.655.659.287	63.322.264.000	18.791.839.287
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN, CN Vũng Tàu ⁽¹⁾	20.896.000.000	54.608.173.469	59.230.620.000	16.273.553.469
Nguyễn Thị Tuyết Bình ⁽²⁾	1.573.348.000	1.058.400.000	2.102.548.000	529.200.000
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ⁽³⁾	588.000.000	588.000.000	588.000.000	588.000.000
Ngô Thị Thanh Châu ⁽⁴⁾	1.248.000.000	1.248.000.000	1.248.000.000	1.248.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, CN Vũng Tàu ⁽⁵⁾	153.096.000	153.085.818	153.096.000	153.085.818
b) Vay dài hạn	5.710.201.134	3.911.585.223	4.969.639.287	4.652.147.070
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ⁽³⁾	736.000.000	-	588.000.000	148.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN, CN Vũng Tàu ⁽⁶⁾	4.821.115.316	3.911.585.223	4.228.553.469	4.504.147.070
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, CN Vũng Tàu ⁽⁵⁾	153.085.818	-	153.085.818	-
Cộng	30.168.645.134	61.567.244.510	68.291.903.287	23.443.986.357

- (1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Vũng Tàu theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/600331/HĐTD ngày 12/08/2016. Hạn mức tín dụng là 35 tỷ. Lãi suất vay 6% - 6,75%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 12/08/2016 đến hết ngày 06/08/2017. Vay để bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 73 tỷ đồng. Số dư nợ vay tại 31/12/2016 là 12.595.000.000 đồng.

Phân loại khoản vay dài hạn hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2014/600331/HĐTH ngày 29/12/2014 về vay ngắn hạn là 1.896.000.000 đồng.

Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Vũng Tàu theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2016/600331/HĐTH ngày 19/02/2016. Lãi suất vay 10,2%/năm, thời hạn vay là 60 tháng, từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 22/04/2016. Vay để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật cụm Khách sạn Vũng Tàu, DIC Star-Giai đoạn 2. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp. Tổng giá trị tài sản đảm bảo: 79 tỷ đồng. Số dư nợ vay tại 31/12/2016 là 1.782.553.469 đồng.

Phân loại khoản vay dài hạn về vay ngắn hạn là 1.782.553.469 đồng.

- (2) Vay Nguyễn Thị Tuyết Bình theo hợp đồng vay vốn ngày 01/12/2016. Lãi suất vay 0,5%/tháng, thời hạn vay dưới 12 tháng. Vay để bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp. Số dư nợ vay tại 31/12/2016 là 529.200.000 đồng.

- (3) Vay Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo hợp đồng vay vốn số 01/2013/HĐVV ngày 20/06/2013. Hạn mức tín dụng là 2,5 tỷ. Lãi suất vay 5,4%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 06/07/2013. Vay để đầu tư hệ thống xử lý nước thải cụm Khách sạn 4 sao DIC Star-Cap Saint Jacques công suất 120m³/ngày thuộc Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC. Hình thức đảm bảo khoản vay là Bảo lãnh của bên thứ 3 là Quỹ Đầu tư phát triển Việt Nam, CN Bà Rịa Vũng Tàu. Số dư nợ vay tại 31/12/2016 là 736.000.000 đồng.

Phân loại khoản vay dài hạn về vay ngắn hạn là 588.000.000 đồng.

- (4) Vay Ngô Thị Thanh Châu theo hợp đồng vay vốn ngày 01/12/2016. Lãi suất vay 0,5%/tháng, thời hạn vay dưới 12 tháng. Vay để bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp. Số dư nợ vay tại 31/12/2016 là 1.248.000.000 đồng.

- (5) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, CN Vũng Tàu theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1532400090 ngày 11/12/2015. Số tiền vay là 306.181.818 đồng, lãi suất vay 7%/năm, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 16/12/2015. Vay để thanh toán tiền mua xe tải. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 306.181.818 đồng. Số dư nợ vay tại 31/12/2016 là 153.085.818 đồng.

- (6) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Vũng Tàu theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2014/600331/HĐTH ngày 29/12/2014. Lãi suất vay 11%/năm, thời hạn vay là 60 tháng, từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 06/02/2015. Vay để cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, thay thế trang thiết bị, vật dụng cho Khách sạn Vũng Tàu. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp. Tổng giá trị tài sản đảm bảo: 79 tỷ đồng. Số dư nợ vay tại 31/12/2016 là 6.400.147.070 đồng.

Phân loại khoản vay dài hạn về vay ngắn hạn là 1.896.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	112.943.230.000	(173.000.000)	1.987.910.422	4.652.831.560	119.410.971.982
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.943.956.270	6.943.956.270
Trích lập các quỹ	-	-	376.230.709	(846.519.094)	(470.288.385)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.388.296.900)	(3.388.296.900)
Số dư cuối năm trước	112.943.230.000	(173.000.000)	2.364.141.131	7.361.971.836	122.496.342.967
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.062.050.899	6.062.050.899
Trích lập các quỹ	-	-	694.395.627	(1.388.791.254)	(694.395.627)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.647.161.500)	(5.647.161.500)
Số dư cuối năm nay	112.943.230.000	(173.000.000)	3.058.536.758	6.388.069.981	122.216.836.739

Trong năm 2016, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-DIC.T&T ngày 28/04/2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016	%	01/01/2016	%
	VND		VND	
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	77.453.730.000	68,58	77.453.730.000	68,58
Công ty TNHH MTV Thương mại Sabeco	8.007.490.000	7,09	8.007.490.000	7,09
Cổ đông khác	27.482.010.000	24,33	27.482.010.000	24,33
Cộng	112.943.230.000	100	112.943.230.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	112.943.230.000	112.943.230.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	112.943.230.000	112.943.230.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.647.161.500	3.388.296.900

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.294.323	11.294.323
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.294.323	11.294.323
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.294.323	11.294.323
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.294.323	11.294.323
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.294.323	11.294.323

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

18. Các khoản mục ngoài bản cân đối kế toán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Tài sản nhận giữ hộ	583.387.500	1.672.988.940
Vỏ chai nhận giữ hộ Công ty CP TM Bia Sài Gòn Miền Đông	565.070.000	565.070.000
Vỏ chai nhận giữ hộ khách hàng mua bia	2.227.500	2.227.500
Vỏ bình gas - Gas Petrolimex	16.090.000	10.390.000
Sữa Vinamilk	-	1.095.301.440
b) Ngoại tệ các loại		
USD	4.367,25	3.715,25

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
c) Nợ khó đòi đã xử lý	9.297.900	9.297.900
Công ty Liên doanh Hoa Phát	3.882.000	3.882.000
Công ty TNHH Hoàn Hảo	5.415.900	5.415.900

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	374.420.162.705	349.292.273.910
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	315.080.540.063	260.404.519.455
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	59.339.622.642	88.887.754.455

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu với bên liên quan	3.420.416.456	5.238.098.585
Tổng Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	3.420.416.456	5.238.098.585

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	4.701.945
Chiết khấu thương mại	-	4.701.945
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	374.420.162.705	349.287.571.965
Doanh thu thuần hàng hoá	315.080.540.063	260.399.817.510
Doanh thu thuần dịch vụ	59.339.622.642	88.887.754.455

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hoá đã bán	291.474.991.285	240.029.475.372
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.677.563.180	24.168.994.070
Cộng	305.152.554.465	264.198.469.442

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	104.389.110	91.683.992
Cổ tức, lợi nhuận được chia	63.440.000	25.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	79.260	5.775.973
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.677.005	-
Cộng	169.585.375	122.459.965

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	2.246.149.217	1.520.718.330
Lỗ chênh lệch tỷ giá	896.453	159.268
Chi phí tài chính khác	758.685	10.847.415
Cộng	2.247.804.355	1.531.725.013

7. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	23.926.810.897	28.509.434.334
Chi phí công cụ dụng cụ	10.008.972.813	12.286.871.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.328.993.557	5.191.768.224
Chi phí nguyên vật liệu	1.092.503.986	1.908.871.866
Chi phí sửa chữa	589.557.812	2.409.011.827
Chi phí tiền điện nước	4.536.055.454	5.494.589.511
Chi phí khác	9.938.528.095	13.223.623.544
Cộng	55.421.422.614	69.024.171.288

8. Chi phí quản lý

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên quản lý	2.962.372.923	2.866.400.360
Dự phòng phải thu khó đòi	71.148.917	-
Chi phí khác	4.124.952.582	3.441.519.975
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(3.245.200)	(21.635.875)
Cộng	7.155.229.222	6.286.284.460

9. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý tài sản	87.664.214	1.681.818
Thu thanh lý CCDC	116.982.008	23.090.908
Thu đền bù tài sản	7.435.452	5.295.000
Tiền nhận hỗ trợ, chiết khấu, khuyến mãi	2.925.099.212	2.038.762.645
Xóa nợ phải trả	-	2.287.025
Thu nhập khác	3.842.429	1.009.306
Cộng	3.141.023.315	2.072.126.702

10. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	937.318.584
Chi phí thanh lý TSCĐ	8.600.000	13.110.000
Giá trị còn lại của CCDC thanh lý	-	63.000
Giá trị của hàng hóa thanh lý	1.089.651	49.040.154
Các khoản bị phạt	46.255.031	93.297.618
Chi phí thuế các năm trước	-	129.083.255
Xóa nợ phải thu	-	983.100
Chi phí đầu tư khu Spa 5 sao tạm dừng	48.240.000	152.413.236
Thuế GTGT hàng hóa bị hư hỏng	9.932.517	-
Chi phí khác	2.960.000	20.318.011
Cộng	117.077.199	1.395.626.958

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế. Năm trước là 22%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.636.683.540	9.045.881.471
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	236.479.665	508.323.988
Các khoản bị phạt	46.255.031	93.297.618
Chi phí thuế các năm trước	-	129.083.255
Thù lao HĐQT, BKS không điều hành trực tiếp	111.000.000	84.000.000
Chi phí Dự phòng nợ phải thu khó đòi	49.902.917	6.348.402
Chi phí không được trừ	92.761.717	220.594.713
Cổ tức	(63.440.000)	(25.000.000)
Tổng lợi nhuận tính thuế	7.873.163.205	9.554.205.459
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.574.632.641	2.101.925.201

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.062.050.899	6.943.956.270
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(694.395.627)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(694.395.627)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.062.050.899	6.249.560.643
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.294.323	11.294.323

Lãi cơ bản trên cổ phiếu**537****553**

EPS năm nay chưa bao gồm số sẽ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

EPS năm trước được điều chỉnh hồi tố do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-DIC.T&T ngày 28/04/2016.

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.579.862.950	35.509.450.950
Chi phí nhân công	24.365.856.308	31.385.199.179
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.356.296.630	5.202.627.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.808.322.090	10.124.657.427
Chi phí khác bằng tiền	24.412.966.398	17.257.514.604
Cộng	81.523.304.376	99.479.449.818

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VÀ CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:	1.343.783.949	1.799.615.000
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	259.129.449	330.160.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1.084.654.500	1.469.455.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	123.000.000	96.000.000
Ban Kiểm soát	69.000.000	60.000.000

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	Công ty mẹ	Phải thu về cung cấp DV	3.762.458.100
Phạm Bá Phúc	Thành viên HĐQT -Phó Giám đốc	Tạm ứng kinh doanh	919.000.000

Phạm Văn Phương	Em ruột Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	43.118.160
-----------------	-----------------------	---------	------------

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Phạm Bá Phúc	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	Tạm ứng kinh doanh	249.623.000
Phạm Văn Phương	Em ruột Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	5.752.000

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là Kinh doanh thương mại và Dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.491.091.239	8.504.507.096	4.491.091.239	8.504.507.096
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.915.125.242	21.569.462.363	10.915.125.242	21.569.462.363
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	743.000.000	743.000.000	1.733.000.000	743.000.000
Cộng	16.149.216.481	30.816.969.459	17.139.216.481	30.816.969.459
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	23.443.986.357	30.168.645.134	23.443.986.357	30.168.645.134
Chi phí phải trả	2.411.200	30.000.000	2.411.200	30.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	13.651.699.796	17.792.497.696	13.651.699.796	17.792.497.696
Cộng	37.098.097.353	47.991.142.830	37.098.097.353	47.991.142.830

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay vào ngày 31/12/2015 và vào ngày 31/12/2016 (xem thuyết minh V.10, V.11 và V.17). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2015 và vào ngày 31/12/2016.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Cộng
Số cuối năm	31.361.295.783	5.736.801.570	37.098.097.353
Các khoản vay	18.791.839.287	4.652.147.070	23.443.986.357
Phải trả người bán	11.398.103.486	-	11.398.103.486
Chi phí phải trả	2.411.200	-	2.411.200
Phải trả khác	1.168.941.810	1.084.654.500	2.253.596.310
Số đầu năm	40.811.486.696	7.179.656.134	47.991.142.830
Các khoản vay	24.458.444.000	5.710.201.134	30.168.645.134
Phải trả người bán	14.910.236.842	-	14.910.236.842
Chi phí phải trả	30.000.000	-	30.000.000
Phải trả khác	1.412.805.854	1.469.455.000	2.882.260.854

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI DIC
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Vũ Khanh Bình